

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG



THIỆT THỰC-HIỆU QUẢ-HÀI HÒA

**BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

Trình độ đào tạo: **Cao đẳng sư phạm**

Ngành đào tạo: **Giáo dục Mầm non**

Tên tiếng Anh: **Early Childhood Education**

Mã ngành : **51140201**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

*(Ban hành theo Quyết định số 675 /QĐ-ĐHTG ngày 15 tháng 12 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

**Tiền Giang, năm 2023**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC.....</b>	<b>3</b>
1. Thông tin về chương trình đào tạo khóa học .....	3
1.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo .....	3
1.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo .....	3
2. Chuẩn đầu vào .....	4
3. Cấp bằng tốt nghiệp .....	4
<b>PHẦN II. MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH.</b>	<b>4</b>
2. Chuẩn đầu ra .....	5
2.1. Kiến thức .....	5
2.2. Kỹ năng.....	5
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm .....	6
3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo....	6
<b>III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....</b>	<b>6</b>
1. Cấu trúc chương trình đào tạo.....	7
2. Khung chương trình.....	7
3. Kế hoạch chuẩn giảng dạy các học phần theo học kỳ của khóa học.....	11
4. Ma trận phân bố chi tiết CĐR của CTĐT vào các học phần .....	11
5. Đề cương chi tiết học phần .....	16
6. Hướng dẫn thực hiện chương trình dạy học.....	16
7. Thông tin cập nhật.....	17

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC  
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

**Khóa 23**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 675/QĐ-ĐHTG ngày 15 tháng 12 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

**PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Thông tin về chương trình đào tạo khóa học**

**1.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo**

- Tên chương trình đào tạo: **Cao đẳng sư phạm Giáo dục Mầm non**
- Tên ngành:
- + Tiếng Việt: **Giáo dục Mầm non**
- + Tiếng Anh: **Early Childhood Education**
- Mã ngành: 51140201
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng sư phạm
- Thời gian đào tạo: 03 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: **Cử nhân Cao đẳng sư phạm Giáo dục Mầm non**
- + Tiếng Anh: **Bachelor of College of Early Childhood Education**
- Tham khảo đối sánh chương trình đào tạo.
- + Chương trình đào tạo Đại học Giáo dục mầm non của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Chương trình đào tạo Đại học Giáo dục mầm non của Trường Đại học An Giang.
- + Chương trình đào tạo Cao đẳng Giáo dục mầm non của Trường Cao đẳng sư phạm Trung Ương TP. Hồ Chí Minh.
- + Chương trình đào tạo Cao đẳng Giáo dục mầm non của Trường Cao đẳng Trung Ương Hà Nội.

**1.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo Cao đẳng sư phạm Giáo dục mầm non đào tạo người học có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp; kiến thức và kỹ năng cơ bản về các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, tự nhiên, công nghệ thông tin, ngoại ngữ nhằm thực hiện tốt các yêu cầu công việc có liên quan đến ngành Giáo dục mầm non; có năng lực tự học, tự chủ và các kỹ năng mềm cần thiết để thích nghi, hòa hợp tốt với gia đình, xã hội.

Người học được đào tạo kiến thức, kỹ năng chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03

tháng đến 06 tuổi, đáp ứng nhu cầu của phụ huynh và cộng đồng. Sau khi tốt nghiệp, người học có hiểu biết về bản sắc văn hóa vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng Nam Bộ nói riêng và Việt Nam, ASEAN nói chung; có thể tiếp tục học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng năng lực quản lý, đảm nhận nhiệm vụ của người giáo viên mầm non các cơ sở giáo dục mầm non trong nước, đáp ứng xu hướng hội nhập trong khu vực các nước ASEAN.

## **2. Chuẩn đầu vào**

Chuẩn đầu vào của người học được chọn và tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, tuyển sinh trình độ cao đẳng sư phạm ngành Giáo dục mầm non ban hành theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **3. Cấp bằng tốt nghiệp**

Sau khi người học hoàn thành Chương trình đào tạo Cao đẳng sư phạm Giáo dục mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Trường Đại học Tiền Giang, sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Cử nhân Cao đẳng sư phạm ngành Giáo dục mầm non.

# **PHẦN II. MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

## **1.1. Kiến thức**

PO01: Người học có kiến thức về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị và pháp luật; Có kiến thức về văn hóa vùng đồng bằng sông Cửu Long, Nam bộ nói riêng, Việt Nam và ASEAN nói chung.

PO02: Người học có kiến thức về công nghệ thông tin, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc của người giáo viên mầm non.

PO03: Người học có kiến thức cơ bản, thực tế về khoa học Giáo dục mầm non; Vận dụng linh hoạt kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất của người giáo viên mầm non để tổ chức quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý nhóm, lớp ở cơ sở giáo dục mầm non.

PO04: Người học có kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh quá trình thực hiện các hoạt động học tập, thực hành, thực tập và khởi nghiệp trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.

PO05: Người học có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành, đánh giá các hoạt động quản lý nhóm, lớp và cơ sở giáo dục mầm non.

## **1.2. Kỹ năng**

PO06: Người học có kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu, làm việc nhóm và khởi nghiệp trong lĩnh vực Giáo dục mầm non cho bản thân và người khác để hướng đến cuộc sống hạnh phúc, trách nhiệm.

PO07: Người học có kỹ năng đánh giá chất lượng và chủ động hoàn thiện kết quả học tập, nghiên cứu, làm việc của bản thân và các thành viên trong nhóm.

PO08: Người học có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, phục vụ cho việc học tập, giao tiếp và nghiên cứu, làm việc trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.

PO09: Người học có kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để giải quyết các vấn

đề lý luận và thực tiễn trong chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi một cách khoa học, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hiện nay.

PO10: Người học có kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp đến người khác trong quá trình học tập, thực hành, thực tập; chuyên giao, phổ biến kiến thức, kỹ năng đến phụ huynh, cộng đồng và các tổ chức khác về hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.

### **1.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

PO11: Người học chủ động thực hiện công việc và có ý thức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và chịu trách nhiệm đối với nhóm về nhiệm vụ được giao.

PO12: Người học thể hiện vai trò, trách nhiệm của người giáo viên mầm non đối với giáo dục toàn diện nhân cách trẻ.

PO13: Người học có đủ sức khỏe và nghị lực để khắc phục những khó khăn; tích cực hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ học tập, thực hành, thực tập.

PO14: Người học tự định hướng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cần tích lũy, đưa ra kết luận chuyên môn cần thiết trong quá trình học tập, thực hành, thực tập; bảo vệ được quan điểm cá nhân trong học tập, nghiên cứu.

### **1.4. Vị trí nghề nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp CĐSP GDMN, người học có thể làm việc ở các vị trí:

- Giáo viên ở các cơ sở giáo dục mầm non.
- Giáo viên dạy năng khiếu cho trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non: hát, múa, mỹ thuật, Aerobic, giáo dục kỹ năng sống, Tiếng Anh.
- Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non (sau khi tham gia lớp bồi dưỡng và được cấp chứng chỉ nghiệp vụ quản lý theo yêu cầu).

### **1.5. Phát triển nghề nghiệp, học tập nâng cao trình độ**

Người học có kiến thức và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực tự học và liên thông lên trình độ Đại học Giáo dục mầm non và học văn bằng hai các ngành gần của Giáo dục mầm non; tiếp tục phấn đấu đạt trình độ Sau Đại học.

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Kiến thức**

K01: Trình bày kiến thức cơ bản về Khoa học xã hội, Khoa học tự nhiên, Khoa học chính trị và Pháp luật, Giáo dục thể chất.

K02: Phân tích kiến thức về nghề nghiệp và phẩm chất của người giáo viên mầm non.

K03: Phân tích kiến thức cơ bản về quản lý nhóm, lớp ở các cơ sở giáo dục mầm non.

K04: Giải thích kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức, giám sát và điều chỉnh quá trình thực hiện các hoạt động học tập, thực hành, thực tập và khởi nghiệp trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.

### **2.2. Kỹ năng**

S01: Vận dụng kỹ năng tư duy phản biện và sáng tạo trong giải quyết vấn đề; làm việc nhóm và đánh giá chất lượng công việc.

S02: Sử dụng tiếng Anh tương đương bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ

Việt Nam hoặc Tiếng Hàn cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin vào học tập, giao tiếp, nghiên cứu và làm việc trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.

S03: Lập kế hoạch, tổ chức, kiểm tra, đánh giá hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi một cách khoa học, mang lại hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hiện nay.

S04: Tự học, tự nghiên cứu và khởi nghiệp trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.

S05: Truyền đạt và chuyển giao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp tại trường đại học và các cơ sở giáo dục mầm non.

### 2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

A01: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện thường xuyên thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

A02: Thể hiện vai trò, trách nhiệm của người giáo viên mầm non đối với giáo dục toàn diện nhân cách trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.

A03: Thể hiện sức khỏe và nghị lực tích cực để khắc phục những khó khăn, hỗ trợ và động viên người khác làm tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.

A04: Tự định hướng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cần tích lũy, đưa ra kết luận chuyên môn cần thiết trong quá trình học tập, thực hành, thực tập.

## 3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra												
	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	A04
PO01	x				x	x		x	x	x	x	x	
PO02	x					x		x	x				
PO03		x	x	x			x	x	x		x		x
PO04		x		x			x	x	x		x		x
PO05			x					x	x		x		x
PO06					x					x		x	
PO07					x					x		x	
PO08						x							
PO09							x	x				x	x
PO10									x				x
PO11										x			
PO12											x		
PO13												x	
PO14													x

Ghi chú: dấu (x) thể hiện chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu.

## III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

## 1. Cấu trúc chương trình đào tạo

### 1.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: **132**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **97**

(Không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh và học phần điều kiện General English 1).

### 1.2. Cấu trúc chương trình

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu			Tỷ lệ (%)
		Bắt buộc	Tự chọn	Toàn bộ	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	13	10	23	23,7
2	Kiến thức cơ sở ngành	16	0	16	16,5
3	Kiến thức ngành	40	0	40	41,2
4	Kiến thức chuyên sâu/Bổ trợ	0	4	4	8,2
5	Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế	10	0	10	10,3
6	Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận	0	4	4	8,2
<b>Tổng cộng</b>		<b>79</b>	<b>18</b>	<b>97</b>	<b>100%</b>

## 2. Khung chương trình

Mã HP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>									
<b>1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>							<b>11</b>	<b>11</b>	
00033	Triết học Mác-Lênin	45					3	3	
01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	30					2	2	00033+
02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	30					2	2	01202+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30					2	2	02112+
03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	30					2	2	03212+
<b>1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật</b>							<b>12</b>	<b>4</b>	
71012	Pháp luật đại cương	30					2	2	
<b>Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 2 TC)</b>									
05032	Cơ sở văn hóa Việt Nam và Đông Nam Á	30					2	2	
17102	Văn học thiếu nhi và đọc kể diễn cảm	15	30				2		

17262	Đàn điện tử			60			2		17093+
17462	Mỹ thuật nâng cao	15		30			2		
17582	Kỹ thuật múa rối trong hoạt động giáo dục trẻ mầm non	15		30			2		17083+
<b>1.3. Ngoại ngữ</b>									
<b>1.3.1. Học phần điều kiện (*)</b>							4	4*	
08004	General English 1	60					4	4*	
<b>1.3.2. Học phần tích lũy</b>							<b>6</b>	<b>6</b>	
08012	General English 2	30					2	2	08004
08024	English 1	60					4	4	08012
<b>1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường</b>							<b>9</b>	<b>2</b>	
<b>Chọn tự do 2 (Tích lũy tối thiểu 2 TC)</b>									
08722	Nhập môn lý thuyết xác suất và thống kê toán	15	30				2	2	
11902	Con người và môi trường	30					2		
17592	Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục	15	30				2		
30053	Tin học ứng dụng cơ bản	15		60			3		
<b>1.5. Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)</b>									
<b>1.5.1. Giáo dục thể chất</b>							<b>9</b>	<b>3*</b>	
12371	Thể dục và điền kinh			30			1	1*	
<b>Chọn tự do 3 (tích lũy tối thiểu 1 TC)</b>									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1*	12371+
12401	Cầu lông 1			30			1		12371+
12271	Đá cầu 1			30			1		12371+
12411	Bóng rổ 1			30			1		12371+
<b>Chọn tự do 4 (tích lũy tối thiểu 1 TC)</b>									
12441	Bóng chuyền 2			30			1	1*	12391+
12481	Cầu lông 2			30			1		12401+
12281	Đá cầu 2			30			1		12271+
12461	Bóng rổ 2			30			1		12411+
<b>1.5.2. Giáo dục quốc phòng và an ninh</b>							<b>165 tiết</b>		
<b>Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương</b>							<b>38</b>	<b>23</b>	
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>							<b>16</b>	<b>16</b>	
<b>2.1. Cơ sở ngành</b>									
05052	Kỹ năng mềm	15	30				2	2	
15062	Tâm lý học đại cương	15	30				2	2	
15292	Giáo dục học đại cương	15	30				2	2	
15301	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2			30			1	1	15461+

15372	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và nghiên cứu trẻ em	15	30				2	2	
15461	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1			30			1	1	
17083	Mỹ thuật	15	30	30			3	3	
17093	Âm nhạc và múa	15	30	30			3	3	
<b>2.2. Ngành</b>							<b>40</b>	<b>40</b>	
17122	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	15	30				2	2	
17133	Vệ sinh – Dinh dưỡng trẻ em	30		30			3	3	17122+
17142	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn	15	30				2	2	17122+
17163	Chương trình giáo dục mầm non và Phát triển tổ chức thực hiện chương trình GDMN	30	30				3	3	17313+
17172	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	15		30			2	2	17163+
17182	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	15		30			2	2	17163+
17192	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	15	30	0			2	2	17363+, 17372=
17212	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	15		30			2	2	17163+
17222	Phương pháp hình thành biểu tượng Toán cho trẻ mầm non	15		30			2	2	17163+
17242	Phương pháp dạy trẻ khám phá khoa học và môi trường xung quanh	15		30			2	2	17163+
17252	Phương pháp dạy trẻ làm quen văn học	15		30			2	2	17163+
17302	Nghề giáo viên mầm non và Giáo dục gia đình.	15	30				2	2	
17313	Giáo dục mầm non	30	30				3	3	15292+
17332	Đánh giá trong Giáo dục mầm non	15	30				2	2	17163+
17363	Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non 1	30	30				3	3	15062+
17372	Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non 2	15	30				2	2	17363+
17402	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	15		30			2	2	17163+
17442	Tổ chức hoạt động giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	15	30				2	2	17163+

<b>2.3. Chuyên sâu/Bổ trợ</b>							<b>20</b>	<b>4</b>	
<b>Chọn tự do 5 (tích lũy tối thiểu 2 TC)</b>									
17272	Ứng dụng công nghệ thông tin trong Giáo dục mầm non	15		30			2	2	
17312	Giáo dục hòa nhập	15	30				2		17313+
17322	Quản lý trong Giáo dục mầm non	15	30				2		
17602	Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	15	30				2		17313+
17612	Thiết kế trò chơi học tập	15		30			2		17192+
<b>Chọn tự do 6 (tích lũy tối thiểu 2 TC)</b>									
17152	Kỹ thuật ca hát và biên soạn động tác múa theo bài hát	15		30			2	2	17093+
17342	Phương pháp dạy năng khiếu âm nhạc cho trẻ mầm non	15	30				2		17093+
17352	Giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non	15	30				2		
17392	Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo làm quen Tiếng Anh	15	30				2		
17432	Phương pháp dạy năng khiếu mỹ thuật cho trẻ mầm non	15	30				2		17083+
<b>2.4. Thực tập - Khóa luận, đồ án tốt nghiệp</b>							<b>18</b>	<b>14</b>	
<b>2.4.1. Thực tập</b>							<b>10</b>	<b>10</b>	
17521	Thực hành sư phạm 1				45		1	1	17313+
17543	Thực tập sư phạm 1				135		3	3	17622+
17564	Thực tập sư phạm 2 (cuối khóa)				180		4	4	17543+
17622	Thực hành sư phạm 2			30	45		2	2	17521+
<b>2.4.2. Chuyên đề/ Khóa luận</b>							<b>8</b>	<b>4</b>	
<b>Chọn định hướng (Chọn 1 trong 2 nhóm)</b>									
<b>Nhóm 1 (tích lũy tối thiểu 4 TC)</b>									
17382	Các chuyên đề đổi mới trong Giáo dục mầm non	15	30				2	4	
17632	Chuyên đề chuẩn bị cho trẻ vào Trường Tiểu học	15	30				2		
<b>Nhóm 2 (tích lũy tối thiểu 4 TC)</b>									
17574	Khóa luận tốt nghiệp (GDMN)					240	4	4	
<b>Tổng cộng khối kiến thức ngành</b>							<b>94</b>	<b>74</b>	
<b>Số tín chỉ tổng cộng: 132 TC, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 97 TC</b>									

**Các ký hiệu và viết tắt:**

(\*) Học phần điều kiện: học phần sinh viên phải học và đạt để đủ điều kiện tham gia học các học phần có tích lũy điểm vào điểm trung bình chung tích lũy của khóa học

(học phần *General English 1*) hoặc đủ điều kiện xét tốt nghiệp (các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh). Điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

(\*\*) Khi cần, mã học phần thêm ký hiệu C ở cao đẳng, D ở đại học trong phần mềm hệ thống thông tin tích hợp (TGUIIS) đối với học phần *General English 2*, phục vụ tổ chức giảng dạy ở 2 trình độ khác nhau.

- MHP (Mã học phần): Theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG ngày 02/8/2007 của Trường Đại học Tiền Giang ban hành về việc Quy định danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường Đại học Tiền Giang.

- LT (Lý thuyết): Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết); tính theo tiết.

- TL (Thảo luận): Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TH (Thực hành): Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TT (Thực tập): Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường; tính theo giờ.

- ĐA (Đồ án): Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn.

- TS (Tổng số): Số tín chỉ của học phần, của chương trình.

- TLTT (Tích lũy tối thiểu): Số tín chỉ người học phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình.

- HPTQ (Học phần tiên quyết), ký hiệu (MHP)

- HPHT (Học phần học trước), ký hiệu (MHP)<sup>+</sup>

- HPSH (Học phần học song hành), ký hiệu (MHP)<sup>=</sup>

### 3. Kế hoạch chuẩn giảng dạy các học phần theo học kỳ của khóa học

- Sơ đồ đào tạo của các học phần theo học kỳ

#### Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo

### 4. Ma trận phân bố chi tiết CĐR của CTĐT vào các học phần

#### 4.1. Bảng chi tiết CĐR của CTĐT

STT	Ký hiệu CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra (CĐR)	Ghi chú
1		<b>KIẾN THỨC</b>	
1.1	K01	Trình bày kiến thức cơ bản về Khoa học xã hội, Khoa học tự nhiên, Khoa học chính trị và Pháp luật, Giáo dục thể chất.	
1.1.1	K01.1	Trình bày kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật đại cương, quốc phòng – an ninh, văn hóa	

STT	Ký hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (CDR)	Ghi chú
		và môi trường.	
1.1.2	K01.2	Vận dụng kiến thức về giáo dục thể chất nhằm có được sức khỏe để học tập và làm việc.	
1.1.3	K01.3	Vận dụng kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, nghiên cứu, làm việc.	
1.1.4	K01.4	Vận dụng kiến thức cơ bản về Khoa học tự nhiên vào học tập, nghiên cứu, làm việc.	
1.1.5	K01.5	Vận dụng kiến thức cơ bản về Khoa học xã hội vào học tập, nghiên cứu, làm việc.	
<b>1.2</b>	<b>K02</b>	<b>Phân tích kiến thức về nghề nghiệp và phẩm chất của người giáo viên mầm non.</b>	
1.2.1	K02.1	Phân tích cấu trúc và nội dung của chương trình chăm sóc, giáo dục mầm non, nhận định đúng các đặc điểm và nhu cầu cá nhân của trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi, để chăm sóc và giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non, dự đoán được xu hướng phát triển để phát huy tiềm năng cho trẻ.	
1.2.2	K02.2	Vận dụng linh hoạt các lý thuyết cơ bản và hiện đại về sự phát triển tâm lý và sinh lý của trẻ mầm non, lý thuyết giáo dục học mầm non vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.	
1.2.3	K02.3	Phân tích các bước lập kế hoạch, xây dựng môi trường giáo dục mở, xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung, phương pháp để tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi và phát triển chương trình giáo dục mầm non, nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non chuyên sâu.	
1.2.4	K02.4	Phân tích các tiêu chí đánh giá sự phát triển của trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi, đánh giá kế hoạch chăm sóc và giáo dục trẻ; thiết kế công cụ và tổ chức đánh giá trẻ, sử dụng thông tin đánh giá để điều chỉnh trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ một cách hiệu quả, khoa học.	
<b>1.3</b>	<b>K03</b>	<b>Phân tích kiến thức cơ bản về quản lý nhóm, lớp ở các cơ sở giáo dục mầm non</b>	
1.3.1	K03.1	Phân tích kiến thức quản lý giáo dục mầm non trong quản lý, điều hành nhóm, lớp ở các cơ sở giáo dục mầm non.	
1.3.2	K03.2	Vận dụng kiến thức quản lý giáo dục mầm non vào giám sát các hoạt động quản lý nhóm, lớp và cơ sở giáo dục mầm non.	
<b>1.4</b>	<b>K04</b>	<b>Giải thích kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức,</b>	

STT	Ký hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (CDR)	Ghi chú
		<b>giám sát và điều chỉnh quá trình thực hiện các hoạt động học tập, thực hành, thực tập và khởi nghiệp</b>	
1.4.1	K04.1	Phân tích kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức, giám sát và điều chỉnh quá trình thực hiện các hoạt động học tập.	
1.4.2	K04.2	Vận dụng kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức, giám sát và điều chỉnh quá trình thực hiện các hoạt động thực hành, thực tập.	
1.4.3	K04.3	Vận dụng kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức, giám sát và điều chỉnh quá trình thực hiện các hoạt động khởi nghiệp.	
<b>2</b>	<b>KỸ NĂNG</b>		
<b>2.1</b>	<b>S01</b>	<b>Vận dụng kỹ năng tư duy phản biện và sáng tạo trong giải quyết vấn đề; làm việc nhóm và đánh giá chất lượng công việc.</b>	
2.1.1	S01.1	Phản biện các vấn đề trong trong học tập, nghiên cứu về quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.	
2.1.2	S01.2	Xác định và khái quát hóa vấn đề trong học tập, nghiên cứu về quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.	
2.1.3	S01.3	Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.	
2.1.4	S01.4	Đề xuất giải pháp sáng tạo, hiệu quả trong chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.	
2.1.5	S01.5	Xác định mục tiêu, quy trình làm việc nhóm, các tiêu chí đánh giá chất lượng công việc chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi của nhóm và mỗi thành viên trong nhóm.	
2.1.6	S01.6	Đánh giá chất lượng công việc chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi của nhóm và các thành viên, từ đó xác định các bước cải tiến cần thiết.	
<b>2.2</b>	<b>S02</b>	<b>Sử dụng tiếng Anh tương đương bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam vào học tập, giao tiếp, nghiên cứu và làm việc trong lĩnh vực Giáo dục mầm non</b>	
2.2.1	S02.1	Sử dụng ngoại ngữ giao tiếp trong học tập, sinh hoạt hàng ngày	
2.2.2	S02.2	Đọc, hiểu tài liệu về ngành Giáo dục mầm non bằng ngoại ngữ trong học tập, nghiên cứu khoa học.	

STT	Ký hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (CDR)	Ghi chú
2.3	S03	<b>Lập kế hoạch, tổ chức, kiểm tra, đánh giá hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi một cách khoa học, mang lại hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hiện nay.</b>	
2.3.1	S03.1	Lập kế hoạch, tổ chức, kiểm tra, đánh giá hoạt động chăm sóc trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hiện nay.	
2.3.2	S03.2	Lập kế hoạch, tổ chức, kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hiện nay.	
2.4	S04	<b>Tự học, tự nghiên cứu và khởi nghiệp trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.</b>	
2.4.1	S04.1	Xác định mục tiêu, kế hoạch tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực Giáo dục mầm non cho bản thân.	
2.4.2	S04.2	Xác định mục tiêu, kế hoạch khởi nghiệp trong lĩnh vực Giáo dục mầm non cho bản thân và người khác.	
2.5	S05	<b>Truyền đạt và chuyển giao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp tại trường đại học và các cơ sở giáo dục mầm non.</b>	
2.5.1	S05.1	Xác định mục tiêu, nội dung và hình thức truyền đạt, chuyển giao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp tại trường đại học và các cơ sở giáo dục mầm non.	
2.5.2	S05.2	Thực hiện kế hoạch truyền đạt, chuyển giao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp tại trường đại học và các cơ sở giáo dục mầm non.	
2.5.3	S05.3	Lắng nghe ý kiến phản hồi về hiệu quả truyền đạt, chuyển giao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp tại trường đại học và các cơ sở giáo dục mầm non.	
2.5.4	S05.4	Cải tiến về nội dung và hình thức truyền đạt, chuyển giao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp tại trường đại học và các cơ sở giáo dục mầm non.	
3	<b>MỨC TỰ CHỦ TRÁCH NHIỆM</b>		
3.1	A01	<b>Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện thường xuyên thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;</b>	

STT	Ký hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (CDR)	Ghi chú
		<b>hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.</b>	
3.1.1	A01.1	Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện học tập, nghiên cứu, thực hành, thực tập thường xuyên thay đổi.	
3.1.2	A01.2	Thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với việc học, nghiên cứu, thực hành, thực tập của cá nhân và tập thể.	
3.1.3	A01.3	Hướng dẫn cho người khác thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi tại Trường và các cơ sở giáo dục mầm non.	
3.1.4	A01.4	Giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi tại Trường và các cơ sở giáo dục mầm non.	
<b>3.2</b>	<b>A02</b>	<b>Thể hiện vai trò, trách nhiệm của người giáo viên mầm non đối với giáo dục toàn diện nhân cách trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.</b>	
3.2.1	A02.1	Xác định tầm quan trọng của việc giáo dục toàn diện nhân cách trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.	
3.2.2	A02.2	Hiểu đặc điểm tâm lý, sinh lý của trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.	
3.2.3	A02.3	Xác định mô hình nhân cách toàn diện phù hợp đặc điểm riêng của từng trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.	
3.2.4	A02.4	Thể hiện trách nhiệm của người giáo viên mầm non chủ động và phối hợp thực hiện công việc chăm sóc, giáo dục toàn diện nhân cách trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.	
3.2.5	A02.5	Chịu trách nhiệm về kết quả công việc cá nhân và công tác phối hợp với người khác trong chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.	
3.2.6	A02.6	Đánh giá và hoàn thiện kết quả công tác chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.	
<b>3.3</b>	<b>A03</b>	<b>Thể hiện sức khỏe và nghị lực tích cực để khắc phục những khó khăn, hỗ trợ và động viên người khác làm tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.</b>	
3.3.1	A03.1	Ý thức việc rèn luyện sức khỏe cho bản thân, cho trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi và người khác.	
3.3.2	A03.2	Ý thức rèn luyện ý chí vượt khó cho bản thân, động viên người khác làm tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.	
3.3.3	A03.3	Tích cực hướng dẫn người khác làm tốt công tác	

STT	Ký hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (CDR)	Ghi chú
		chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi	
3.3.4	A03.4	Nghiêm túc phê bình người khác nhằm hỗ trợ họ cầu tiến, vươn lên trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.	
<b>3.4</b>	<b>A04</b>	<b>Tự định hướng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cần tích lũy, đưa ra kết luận chuyên môn cần thiết trong quá trình học tập, thực hành, thực tập.</b>	
3.4.1	A04.1	Xác định kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cần tích lũy cho nghề giáo viên mầm non.	
3.4.2	A04.2	Đưa ra kết luận chuyên môn cần thiết trong quá trình học tập, thực hành, thực tập.	
3.4.3	A04.3	Phản biện và giữ lập trường quan điểm tích cực trong học tập, nghiên cứu.	

## **4.2. Ma trận phân bố chi tiết CDR của CTĐT vào các học phần**

### **Phụ lục II: Ma trận phân bố chi tiết CDR của CTĐT vào các học phần**

## **5. Đề cương chi tiết học phần**

### **Phụ lục III: Bộ đề cương chi tiết học phần của chương trình**

## **6. Hướng dẫn thực hiện chương trình dạy học**

### **6.1. Thời gian đào tạo của các học phần**

- Mỗi học phần được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần (hay toàn phần) của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần có một mã học phần riêng do Trường quy định.

- Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

### **6.2. Thời gian đào tạo của Chương trình**

a) Trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

- Khóa học là khoản thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể.

- Một năm học có 2 học kỳ chính. Trường có thể tổ chức thêm 1 học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại, học cải thiện điểm, hoặc học tập chương trình môn học Giáo dục Quốc phòng - An ninh (mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học, 2 tuần thi và chấm thi).

- Đầu học kỳ, Nhà trường công bố kế hoạch mở lớp học phần (trực tiếp hoặc trực tuyến) trên cơ sở kế hoạch giảng dạy của khóa ngành học, trong đó

công khai đầy đủ các thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

b) Căn cứ vào Khung kế hoạch giảng dạy trong chương trình đã được phê duyệt, Khoa Sư phạm và Khoa học cơ bản phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo xác định khối lượng giảng dạy từng học kỳ, năm học; xây dựng thời khóa biểu học kỳ và thông báo tới các đơn vị, giảng viên, sinh viên ít nhất 02 tuần trước học kỳ.

## **7. Thông tin cập nhật**

### **7.1. Cơ sở phát triển chương trình**

Việc phát triển chương trình đào tạo CĐSP ngành Giáo dục mầm non dựa trên Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học; Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Quyết định số 670/QĐ-ĐHTG ngày 31/12/2021 của Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định chương trình đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang.

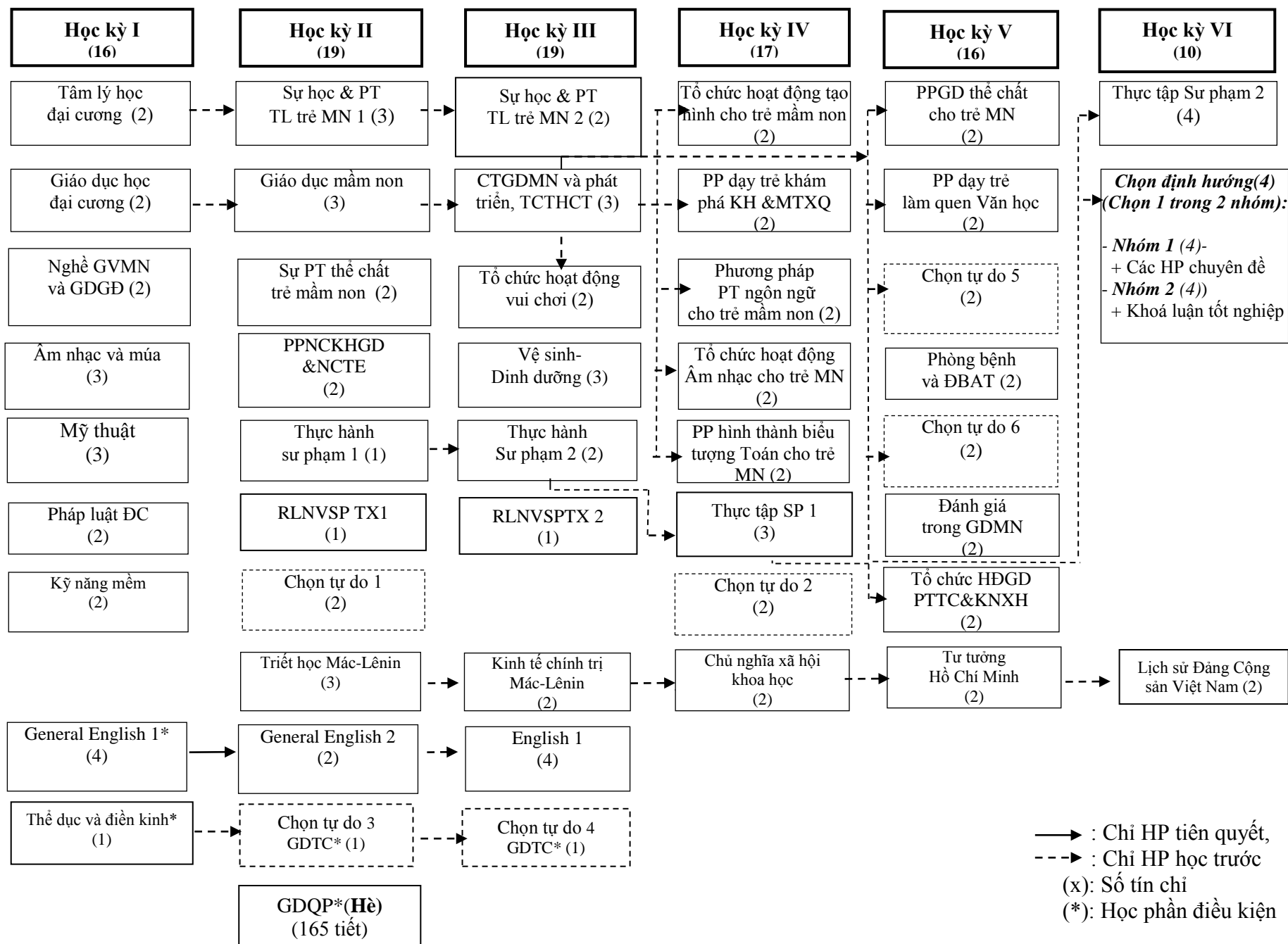
### **7.2. Thông tin kiểm định**

Chương trình đào tạo CĐSP Giáo dục mầm non đã đạt kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của Bộ trưởng Bộ giáo dục đào tạo ban hành, cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng CTĐT số 101/CEAHCM-CT, kèm theo Quyết định số 62/QĐ-TTKĐ, ngày 10/4/2023.

**PHỤ LỤC I:**

**SƠ ĐỒ ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA HỌC  
CTĐT CĐSP GIÁO DỤC MẦM NON**

## Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo toàn khoá học CTĐT Cao đẳng sư phạm Giáo dục Mầm non



## **PHỤ LỤC II:**

# **MA TRẬN PHÂN BỐ CHI TIẾT CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT VÀO CÁC HỌC PHẦN**

**Phần 1: Kiến thức**

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	K01					K02				K03		K04		
				K01.1	K01.2	K01.3	K01.4	K01.5	K02.1	K02.2	K02.3	K02.4	K03.1	K03.2	K04.1	K04.2	K04.3
I	1	15062	Tâm lý học đại cương	2				3	2	3	3	3			3		
	2	15292	Giáo dục học đại cương	2				3	2	3	3	3	3	3	3	3	
	3	17302	Nghề giáo viên mầm non và giáo dục gia đình	2				3	2	3	3	3	3	3	3	3	3
	4	17083	Mỹ thuật								3	3					
	5	17093	Âm nhạc và Múa			2		3			3	3				3	3
	6	05052	Kỹ năng mềm	2				3		3	3	3			4	4	4
	7	12371	Thế dục điền kinh		3												
	9		GDQP* (I,II,III)	3	3												
	II	1	17363	Sự học và sự phát triển tâm lý mầm non 1					4	3	4	3	4				4
2		17313	Giáo dục mầm non					4	3	4	3	4	4	4	4	4	4
3		17122	Sự phát triển thể chất trẻ mầm non		3				3	4	3	4				4	4
4		15372	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và nghiên cứu trẻ em	3		3	3	4	3	4	4	4	4	4	5	4	4
5		17521	Thực hành sư phạm 1	3	3	3		4	4	4	4	4	4	4		4	4
6		15461	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm TX 1	3		3		4	4	4	4	4	4	4	5	4	4
7			HP tự chọn 1					4	3	4	4	4				4	

	8	00033	Triết học Mác-Lênin	4				4						4		
	9	08012	General English 2													
	10	07662	Tiếng Hàn cơ bản													
	11		HP tự chọn 4	3	3			4								
	12		GDQP*IV	4	3											
<b>III</b>	1	17372	Sự học & PT TL trẻ em 2					4	4	4	4	4	4	4	4	4
	2	17163	Chương trình giáo dục mầm non và phát triển, tổ chức thực hiện chương trình	3				4	4	4	4	4	4	4	4	4
	3	17192	Tổ chức hoạt động vui chơi					4	4	4	4	4			4	4
	4	17133	Vệ sinh - Dinh dưỡng				3		4	4	4	4			4	4
	5	17622	Thực hành sự phạm 2	3	3	3		4	4	4	4	4	4	4	4	4
	6	15301	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm TX 2	3		3		4	4	4	4	4	4	4	4	4
	7	01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	4			4	4								
	8	08024	English 1													
	9	07674	Tiếng Hàn 1													
	10		HP tự chọn 5		3											
<b>IV</b>	1	17172	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non					4	4	4	4	4			4	4
	2	17242	PP dạy trẻ khám phá KH &MTXQ				4		4	4	4	4			4	4
	3	17212	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non					4	4	4	4	4			4	4
	4	17182	Tổ chức hoạt động Âm					4	4	4	4	4			4	4

		nhạc cho trẻ															
	5	17222	PP hình thành biểu tượng Toán cho trẻ				3		4	4	4	4				4	4
	6	17543	Thực tập SP 1	3	3		3	4	4	4	4	4				4	4
	7		Học phân tự chọn 2			4	4		4	4	4	4					4
	8	02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	4				4									
V	1	17402	PPGD thể chất cho trẻ		3				4	4	5	5				4	4
	2	17252	PP dạy trẻ làm quen Văn học						4	4	4	5	5			4	4
	3		HP tự chọn 5						4	4	4	5	5			4	4
	4		HP tự chọn 6						4	4	4	5	5	5	5	4	4
	5	17332	Đánh giá trong GDMN						4	4	4	5	5	5	5	4	4
	6	17142	Phòng bệnh và ĐBAT		3					4	4	5	5			4	4
	7	17442	Tổ chức HĐGD phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ MN							4	4	4	5	5		4	4
	8	03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4					4								
VI	1	17564	Thực tập Sư phạm 2	4	3	4	4	4	4	5	5	5	5	5	5	5	5
	2	17574	Tự chọn nhóm 2 (Khóa luận TN)	4	3	4	4	4	4	5	5	5	5	5	5	5	5
	3		Tự chọn nhóm 1	4	3	4		4	5	5	5		5	5	5	5	5
	4	03022	Lịch sử Đảng CS VN	4					4								

Ghi chú: Đánh chỉ số vào ô có chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu, không đáp ứng để ô trống. (1. Ghi nhớ, 2. Hiểu, 3. Áp dụng, 4. Phân tích, 5. Đánh giá-sáng tạo)

## Phần 2: Kỹ năng







HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	S01						S02		S03		S04		S05			
				S01.1	S01.2	S01.3	S01.4	S01.5	S01.6	S02.1	S02.2	S03.1	S03.2	S04.1	S04.2	S05.1	S05.2	S05.3	S05.4
	2	17574	Tự chọn nhóm 2 (Khóa luận TN)	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
	3		Tự chọn nhóm 1	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
	4	3022	Lịch sử Đảng CS VN	3	3	3	3	3	3										

Ghi chú: Đánh chỉ số vào ô có chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu, không đáp ứng để ô trống (1. Bắt buộc, 2. Làm được, 3. Làm chính xác, 4. Phối hợp, 5. Thuần thục)

### Phần 3: Mức tự chủ và trách nhiệm

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	A01				A02						A03				A04		
				A01.1	A01.2	A01.3	A01.4	A02.1	A02.2	A02.3	A02.4	A02.5	A02.6	A03.1	A03.2	A03.3	A03.4	A04.1	A04.2	A04.3
I	1	15062	Tâm lý học đại cương	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
	2	15292	Giáo dục học đại cương	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
	3	17302	Nghề giáo viên mầm non và giáo dục gia đình	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
	4	17083	Mỹ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				2	2	2	
	5	17093	Âm nhạc và Múa	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				2	2	2	
	6	05052	Kỹ năng mềm	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2		3	3	3	2	2	2
	7	12371	Thế dục điền kinh											2						
	9		GDQP* (I,II,III)										2							
II	1	17363	Sự học và sự phát triển tâm lý mầm non 1	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2		3	3	3	3	3	3

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	A01				A02						A03				A04			
				A01.1	A01.2	A01.3	A01.4	A02.1	A02.2	A02.3	A02.4	A02.5	A02.6	A03.1	A03.2	A03.3	A03.4	A04.1	A04.2	A04.3	
	2	17363	Giáo dục mầm non	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2		3	3	3	3	3	3	
	3	17122	Sự phát triển thể chất trẻ mầm non	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3	
	4	15372	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và nghiên cứu trẻ em	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	3	
	5	17521	Thực hành sư phạm 1	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	
	6	15401	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm TX 1	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	3	
	7		HP tự chọn 1	3	3	3	3	3	3	3	3	3									
	8	00033	Triết học Mác-Lênin	3	3	3	3														
	9	08012	General English 2	3	3	3	3														
	10	07662	Tiếng Hàn cơ bản	3	3	3	3														
	11		HP tự chọn 3	3	3	3	3							3							
	12		GDQP*IV	3	3	3	3							3	3	3	3				
III	1	17372	Sự học & PT TL trẻ em 2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
	2	17163	Chương trình giáo dục mầm non và phát triển, tổ chức thực hiện chương trình	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
	3	17192	Tổ chức hoạt động vui chơi	3	3	3	3	4	4	4	4	4	4	4	3	3	3	3	3	3	3
	4	17133	Vệ sinh - Dinh dưỡng	3	3	3	3	4	4	4	4	4	4	4					3	3	3

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	A01				A02						A03				A04		
				A01.1	A01.2	A01.3	A01.4	A02.1	A02.2	A02.3	A02.4	A02.5	A02.6	A03.1	A03.2	A03.3	A03.4	A04.1	A04.2	A04.3
	5	17622	Thực hành sư phạm 2	3	3	3	3	4	4	4	4	4	4	3	3	3	3	3	3	3
	6	15301	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm TX 2	3	3	3	3	4	4	4	4	4	4	3	3	3	3	3	3	3
	7	01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	3	3	3	3													
	8	08024	English 1	3	3	3	3													
	9	07674	Tiếng Hàn 1	3	3	3	3													
	10		HP tự chọn 4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	3	3	3	3			
IV	1	17172	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	4	4	4
	2	17242	PP dạy trẻ khám phá KH & MTXQ	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	4	4	4
	3	17212	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	4	4	4
	4	17182	Tổ chức hoạt động Âm nhạc cho trẻ	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	4	4	4
	5	17222	PP hình thành biểu tượng Toán cho trẻ	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	4	4	4
	6	17543	Thực tập SP 1	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	4	4	4
	7		Học phần tự chọn 2	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3			
	8	02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4							
V	1	17402	PPGD thể chất cho trẻ	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	3	3	3	4	4	4

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	A01				A02						A03				A04		
				A01.1	A01.2	A01.3	A01.4	A02.1	A02.2	A02.3	A02.4	A02.5	A02.6	A03.1	A03.2	A03.3	A03.4	A04.1	A04.2	A04.3
	2	17252	PP dạy trẻ làm quen Văn học	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	4	4	4
	3		HP tự chọn 5	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	4	4	4
	4		HP tự chọn 6	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	4	4	4
	5	17332	Đánh giá trong GDMN	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	4	4	4
	6	17142	Phòng bệnh và ĐBAT	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	3	3	3	4	4	4
	7	17442	Tổ chức HĐGD phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ MN	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	4	4	4
	8	03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4	4	4	4													
VI	1	17564	Thực tập Sư phạm 2	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	4	4	4
	2	17574	Tự chọn nhóm 2 (Khóa luận TN)	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	4	4	4
	3		Tự chọn nhóm 1	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	4	4	4
	4	3022	Lịch sử Đảng CS VN	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4							

*Ghi chú: Đánh chỉ số vào ô có chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu, không đáp ứng để ô trống (1. Tiếp nhận, 2. Đáp ứng, 3. Đánh giá thừa nhận 4. Tổ chức thực hiện, 5. Đặc trưng hóa*

**PHỤ LỤC III:**

**BỘ ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
CTĐT CĐSP GIÁO DỤC MẦM NON**

